

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 3 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia nghĩa vụ trả nợ chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Lang;
- Bà Nông Thị Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23/11/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nghĩa vụ trả nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/02/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị L**, sinh năm 1994;

- Bị đơn: Anh **La Văn T**, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Thôn B D, xã Th T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn** Việt Nam, Chi nhánh huyện Na Hang (Sau đây gọi là Ngân hàng Nông nghiệp).

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng – Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Minh Tuấn – Chức vụ Giám đốc Chi nhánh Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Minh Tuấn: Ông Vương Văn Tr - Chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh.

2. **Ngân hàng Chính sách Xã hội** Việt Nam, Phòng giao dịch huyện Na Hang, Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang (Sau đây gọi là Ngân hàng Chính sách).

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.
 Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Chức vụ Tổng Giám đốc.
 Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Ngọc Lân – Chức vụ Giám đốc phòng giao dịch huyện Na Hang chi nhánh tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nông Ngọc Lân: Bà Ma Thị T - Chức vụ Phó Giám đốc phòng giao dịch huyện Na Hang chi nhánh tỉnh Tuyên Quang.

Anh T, đại diện Ngân hàng Nông nghiệp có mặt;

Chị L, đại diện Ngân hàng Chính sách có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải chị Đặng Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị quen biết anh La Văn T, tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân từ tháng 10 năm 2010, sống chung với bố mẹ chồng được 3 năm. Do gia đình hay lục đục nên vợ chồng chị làm nhà riêng. Tất cả tiền làm nhà là đi vay hoàn toàn. Ngày 19/11/2014 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Th T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2016 chị sinh con đầu lòng. Khi chưa có con thì anh T trách chị không sinh con được. Khi sinh được con rồi thì anh T lại bảo không phải con của anh mà do chị ngoại tình mới có nên sinh ra ghen tuông vô cớ. Không cho chị đi đâu. Bố mẹ, anh em họ hàng có việc gì thì không cho chị đi. Anh T còn thường xuyên đe dọa tự tử. Chị luôn là người làm hoà mọi chuyện để gia đình yên ấm con có cha có mẹ bên cạnh. Ngoài ra anh T còn không chịu lao động sản xuất và càng ngày anh T càng quá đáng nên chị không chấp nhận được. Chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con là La Hữu Kh sinh ngày 13/8/2016 và La Hữu K sinh ngày 22/9/2020. Ly hôn, do chị bận đi làm xa, cả 02 con đều đang ở cùng anh T và ông bà nội do đó chị để anh T tiếp tục nuôi 02 con, chị sẽ cấp dưỡng 1.000.000đ/ tháng để nuôi cháu Kh.

Tài sản chung: gồm có 1 căn nhà gỗ 3 gian lợp bằng bờ lu xi măng (tự thoả thuận, chị không đề nghị chia); Đất ruộng: Bố mẹ chưa tách sổ; Đất vườn rừng có 3 lô, 1 lô cấp sổ hồng, 2 lô còn lại chưa cấp (tự thoả thuận, chị không đề nghị chia).

Nợ chung: 130.000.000 đồng (Ngân hàng Nông nghiệp 50.000.000đ, Ngân hàng Chính sách 80.000.000đ). Chị nhận tiếp tục quyền và nghĩa vụ ½ khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và ½ khoản vay của Ngân hàng Chính sách; ½ còn lại là anh T tiếp tục khoản trả vay (Do các khoản vay chưa đến hạn trả nợ).

Về án phí: Chị xin miễn án phí theo quy định.

Bị đơn anh La Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Việc quen biết, tự nguyện kết hôn, chung sống với bố mẹ chồng, sống riêng và có con chung, nợ chung như chị L trình bày là đúng. Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn. Mâu thuẫn từ trước do nợ nần nhiều. Đầu năm 2023, chị L bàn với anh đi làm xa lấy tiền trả nợ, nuôi con nên anh đồng ý cho vợ đi. Do theo duy tâm năm 2023 anh “có hạn” nên anh không đi.

Tuy nhiên khi vợ anh đi làm về thì lạnh nhạt với anh sau đó không về nhà mà có về Na Hang thì chỉ về nhà mẹ đẻ. Anh không đồng ý ly hôn.

Con chung: Cả 02 con chung đang ở với anh và ông bà nội. Nếu phải ly hôn anh nhận nuôi cả 02 cháu. Tại phiên hòa giải anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Tại phiên tòa anh đề nghị chị L cấp dưỡng 2.000.000đ/2 cháu /1tháng.

Về nợ chung: Nếu phải ly hôn các khoản nợ ngân hàng thì mỗi người sẽ chịu trách nhiệm ½.

Ông Vương Văn Tr trình bày:

Anh T, chị L vay Ngân hàng Nông nghiệp theo Hợp đồng tín dụng số 8105 LAV2023 00849 ngày 08/5/2023; Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ với số tiền là 50.000.000đ định kỳ khách hàng vẫn trả lãi. Khoản vay chưa đến hạn trả nợ. Nếu anh T, chị L ly hôn, do khoản vay chưa đến hạn trả nợ nên đề nghị Tòa phân chia quyền và nghĩa vụ tiếp tục thực hiện khoản vay.

Bà Ma Thị T trình bày tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt:

Anh T, chị L vay Ngân hàng Chính sách 02 khoản vay: Khoản 1 là 20.000.000đ chương trình nước sạch, vệ sinh; khoản 2 là 60.000.000đ chương trình nuôi trâu sinh sản. Khoản vay chưa đến hạn trả nợ. Nếu anh T, chị L ly hôn, do khoản vay của chị L, anh T chưa đến hạn trả nợ nên đề nghị Tòa phân chia quyền và nghĩa vụ tiếp tục thực hiện khoản vay.

Tòa án tiến hành xác minh với Trưởng thôn B D, xã Th T, ông La Tài San cho biết: Anh La Văn T và chị Đặng Thị L là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ở thôn không thấy anh T, chị L có mâu thuẫn gì. Từ tháng 02/2023 chị L đi làm ở xa rồi không thấy về ở cùng anh T. Anh T, chị L có 02 con chung đang ở cùng anh T. Về tài sản chung anh T, chị L có 01 nhà xây cấp 4 và một số tài sản khác. Về nợ chung ông biết anh T, chị L có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Chính sách.

Tòa án tiến hành xác minh với bố anh La Văn T – ông La Tài Văn cho biết: Anh La Văn T và chị Đặng Thị L là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc nhiều năm. Cách đây khoảng 1, 2 năm anh T, chị L phát sinh mâu thuẫn. Ông biết mâu thuẫn do nợ nần nhiều nên xảy ra cãi, chửi nhau. Cách đây khoảng 02 năm chị L bỏ nhà đi làm ăn xa. Từ khi đi không quay về nhà. Anh T, chị L có 02 con chung, các cháu đang ở cùng anh T và được ông bà nội giúp đỡ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Cháu La Hữu Kh khai: Khi bố mẹ cháu ở với nhau cháu thấy bố mẹ cháu có cãi nhau. Bố cháu dọa đánh mẹ cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu muốn ở với bố.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người

tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71, 72 và 73 BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của BLTTDS; căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L. Tuyên xử cho chị Đặng Thị L được ly hôn anh La Văn T.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cho anh La Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung. Chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T 1.000.000đ/ 1 tháng cho cháu Kh, phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi. Chị L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

Về tài sản: Chị L không đề nghị Tòa chia nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Chị L, anh T, các Ngân hàng thống nhất phân chia quyền, nghĩa vụ tiếp tục các khoản vay nên đề nghị phân chia quyền, nghĩa vụ cho anh T, chị L tiếp tục mỗi người ½ số tiền gốc và lãi của từng khoản vay.

Giành quyền khởi kiện cho anh T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác.

Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của BLTTDS và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Đặng Thị L, anh La Văn T được miễn án phí. Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Chị Đặng Thị L đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây:

Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Hợp đồng tín dụng, Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ; Hồ sơ vay vốn Ngân hàng Chính sách. Bản phô tô căn cước công dân chị L; Xác nhận thông tin về cư trú anh T, chị L. Bản sao giấy khai sinh của 02 con.

Tòa án xác minh với Trưởng thôn B D, xã Th T, xác minh với bố anh T – ông La Tài Văn.

Chị Đặng Thị L và anh La Văn T không thống nhất được với nhau về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] Anh La Văn T cư trú tại thôn B D, xã Th T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Đặng Thị L khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia nghĩa vụ trả nợ chung. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị L, đại diện Ngân hàng Chính sách có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[3] Chị Đặng Thị L và anh La Văn T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của đương sự; kết quả xác minh với Trưởng thôn, với bố anh T (Ông La Tài Văn) Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đặng Thị L và anh La Văn T đã trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong một thời gian dài, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Đặng Thị L được ly hôn anh La Văn T.

[4] Con chung: Quá trình chung sống chị Đặng Thị L và anh La Văn T có 02 con chung là cháu La Hữu Kh sinh ngày 13/8/2016 và La Hữu K sinh ngày 22/9/2020. Chị L đi làm xa, cả 02 con đều đang ở cùng anh T và ông bà nội. Do chị L đi làm ăn xa đề nghị anh T tiếp tục nuôi cả 02 con, anh T nhận tiếp tục nuôi 02 con. Xét thấy các cháu đang ở cùng anh T và ông bà nội ổn định nên căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cả 02 cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ/ tháng cho cháu Kh của chị L. Xác định việc cấp dưỡng theo phương thức hàng tháng từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi. Tại Phiên tòa anh T thay đổi quan điểm về cấp dưỡng nuôi con – yêu cầu chị L cấp dưỡng cho cả 02 con là 2.000.000đ/1 tháng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh thu nhập của chị L, chi phí nuôi ăn học của các con. Yêu cầu của anh T đưa ra sau khi Hội đồng xét xử kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét mà giành quyền cho anh T khởi kiện bằng một vụ án khác. Chị L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

[5] Tài sản chung: Chị Đặng Thị L không đề nghị chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[6] Nợ chung: Chị Đặng Thị L và anh La Văn T vay Ngân hàng Nông nghiệp theo Hợp đồng tín dụng số 8105 LAV2023 00849 ngày 08/5/2023; Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ với số tiền là 50.000.000đ. Vay Ngân hàng Chính sách 02 khoản vay: Khoản 1 là 20.000.000đ chương trình nước sạch, vệ sinh; khoản 2 là 60.000.000đ chương trình nuôi trâu sinh sản. Các khoản vay chưa đến hạn trả nợ. Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Chính sách đều đề nghị phân chia quyền và nghĩa vụ tiếp tục khoản vay. Chị L, anh T đều nhất trí nếu ly hôn thì mỗi người tiếp tục nhận quyền và nghĩa vụ với ½ từng khoản vay. Do đó phân chia quyền và nghĩa vụ tiếp tục

khoản vay theo ý kiến của các đương sự. Cụ thể:

Chị Đặng Thị L: Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản nay Ngân hàng Nông nghiệp là 25.000.000đ vay gốc (1/2 của 50.000.000đ) và tiền lãi phát sinh kèm theo; Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Chính sách là 40.000.000đ vay gốc (1/2 của 80.000.000đ) và tiền lãi phát sinh kèm theo.

Anh La Văn T: Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản nay Ngân hàng Nông nghiệp là 25.000.000đ vay gốc (1/2 của 50.000.000đ) và tiền lãi phát sinh kèm theo; Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản nay Ngân hàng Chính sách là 40.000.000đ vay gốc (1/2 của 80.000.000đ) và tiền lãi phát sinh kèm theo.

[7] Án phí: Chị Đặng Thị L và anh La Văn T đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, đều có đơn xin miễn án phí nên được miễn án thí theo quy định của điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Chị Đặng Thị L, anh La Văn T, Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Chính sách được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nghĩa vụ trả nợ chung của chị Đặng Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị L được ly hôn anh La Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu La Hữu Kh sinh ngày 13/8/2016 và La Hữu K sinh ngày 22/9/2020 cho anh La Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đặng Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T với cháu La Hữu Kh là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Chị L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Giành quyền cho anh La Văn T được khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án dân sự khác.

Khoản tiền cấp dưỡng, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo

mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Phân chia quyền, nghĩa vụ với các khoản vay:

Chị Đặng Thị L: Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) vay gốc và tiền lãi phát sinh kèm theo; Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Chính sách là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) vay gốc và tiền lãi phát sinh kèm theo.

Anh La Văn T: Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) vay gốc và tiền lãi phát sinh kèm theo; Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Chính sách là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) vay gốc và tiền lãi phát sinh kèm theo.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị L và anh La Văn T đều được miễn án phí

5. Về quyền kháng cáo: Anh La Văn T, Ngân hàng Nông nghiệp được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đặng Thị L, Ngân hàng Chính sách được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự” ./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Lang Nông Thị Sinh

Phan Anh Thành

Nơi nhận:

- VKSND huyện Na Hang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Th T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành